

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày: 29 – 6 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Minh Mẫn, bà Bùi Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Duồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Duy T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1993; tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15x/xx đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Hẻm 4xx đường Y, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ học vấn: 10/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, hiện trú tại: Hẻm 4xx đường Y, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định số 81/2016/QĐ-TA ngày 04/4/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng,.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/02/2020, tạm giam từ ngày 03/3/2020 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Duy T (Sinh năm: 1993; hiện trú tại hẻm 4xx đường Y, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) là người nghiện ma túy từ năm 2016. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/02/2020, Phạm Duy T đang đi bộ trên đường P, thành phố B thì gặp một người quen tên B (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đang điều khiển xe mô tô. Phạm Duy T nhờ B chở đi đến buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk mục đích để mua ma túy sử dụng nhưng T không nói cho B biết. B đồng ý chở T đến quán cà phê không có tên ven đường Tỉnh lộ thuộc Buôn S, xã C, huyện C, T và B vào quán để uống cà phê. Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đi xe mô tô đến quán gặp T và bán cho T 500.000 đồng ma túy. Sau khi mua ma túy, T nhờ B chở về thành phố B. Trên đường đi, khi B ghé vào cây xăng BN thuộc buôn S, xã C, huyện C để đổ xăng thì bị lực lượng Công an huyện C kiểm tra, bắt quả tang T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trên tay phải của T 01 gói giấy màu trắng bên trong có 01 túi nylon màu trắng, bên trong túi nylon có chứa 02 cục chất rắn màu tím hình tam giác và 01 gói nylon màu trắng bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng đục (được niêm phong theo quy định), T khai nhận đây là ma túy T mua về sử dụng. Còn đối tượng tên B thì bỏ chạy về hướng thành phố B.

Tại bản Kết luận giám định số 151/GĐMT-PC09 ngày 03/3/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- 02 (Hai) viên nén màu tím hình tam giác được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,9483gam, loại: MDMA.

- Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đục được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4720gam, loại: Methamphetamine.

- Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu vật còn lại sau giám định gồm 02 (Hai) viên nén màu tím hình tam giác còn lại có khối lượng 0,8305gam. Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đục còn lại có khối lượng 0,4052gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu.

Cả 02 chất ma túy mà bị cáo Phạm Duy T tàng trữ đều thuộc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ quy định Điều 4 và Mục 1 Phụ lục của Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì tổng khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ là 1,4203gam.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an C, bị cáo Phạm Duy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 03/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phạm Duy T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Duy T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Duy T theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện C đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Duy T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Duy T mức án tù **02** năm đến **03** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/02/2020.

*** Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 02 viên nén màu tím hình tam giác còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,8305gam: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đục còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,4052gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một phong bì.

Bị cáo Phạm Duy T không bào chữa và tranh luận gì, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo đã thực hiện: Vào khoảng 16 giờ 45 phút, ngày 23/02/2020, tại khu vực cây xăng BN thuộc Buôn S, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Phạm Duy T đã có hành vi tàng trữ 0,9483gam ma túy, loại: MDMA và 0,4720gam ma túy, loại Methamphetamine, hành vi của bị cáo đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C bắt quả tang thu giữ cùng số ma túy bị cáo tàng trữ. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo Phạm Duy T đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm

.....

c) Methamphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

i) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này.”

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 và mục I của Phụ lục Nghị định thì bị cáo Phạm Duy T đã có hành vi tàng trữ 02 chất ma túy là MDMA và Methamphetamine cùng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự có tổng khối lượng là 1,4203gam nên phải xác định hành vi của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 03/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Phạm Duy T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c, i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, đối với việc truy tố bị cáo Phạm Duy T theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, gây bất lợi cho bị cáo. Sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ quy định tại Điều 319 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và giữ quyết định truy tố bị cáo Phạm Duy T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, góp phần vào làm lây lan, phát sinh các tệ nạn xã hội, các tội phạm khác phát sinh từ ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 viên nén màu tím hình tam giác còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,8305gam, chất rắn dạng tinh thể màu trắng đục còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,4052gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một phong bì là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Đối với người tên Bi và người đàn ông đã bán ma túy cho Phạm Duy T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiến hành điều tra, xác minh nhưng hiện nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xem xét xử lý sau là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Duy T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Xử phạt bị cáo **Phạm Duy T** 02 (Hai) năm tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 23/02/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 02 viên nén màu tím hình tam giác còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,8305gam, chất rắn dạng tinh thể màu trắng đục còn lại sau khi giám định có khối lượng 0,4052gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một phong bì

(Vật chứng có số lượng và đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/6/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C)

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Duy T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Duy T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện C;
- CQCSĐT Công an huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TANDTC;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Tuấn